

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2018.

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Trần Thị Khanh.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2018/ST-HNGĐ ngày 01/8/2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962.

Tên gọi khác: Hoàng Thị C .

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân T2 , sinh năm 1959.

Tên gọi khác: Phạm Văn T2 .

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Bà và ông T2 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1980 tại Ủy ban nhân dân (được viết tắt là UBND) xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà chồng một thời gian thì chuyển ra sinh sống riêng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng

trong cách sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Mặt khác ông T2 không chung thủy với bà, biết sự việc bà cũng như gia đình khuyên bảo, can ngăn nhiều lần nhưng không được. Ông sống không có trách nhiệm với bà và các con, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình sa sút, bà phải bán nhà đất để trang trải nợ nần. Ông T2 không hiểu được sự cam chịu mà còn thường xuyên chửi bới, đánh đập bà. Đến năm 2007 bà không chịu đựng được thêm nữa nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Vì cuộc sống gia đình nặng nề và áp lực nên năm 2013 bà đã làm đơn xin ly hôn ông, Tòa án đã thụ lý nhưng do ông gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên bà không thể ly hôn được với ông. Sau khi rút đơn ly hôn cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, ông bà vẫn mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân 10 năm nên tha thiết đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông để bà yên tâm sống nốt phần đời còn lại của mình.

Tại bản tự khai bị đơn ông Phạm Xuân T2 trình bày: Ông và Bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Cao An vào năm 1980. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có chút mâu thuẫn nảy sinh. Nguyên nhân do bà luôn nghi ngờ ông về nhiều chuyện, trong khi đó ông không phải là con người sống không có trách nhiệm như bà nghĩ. Ông mãi mê đi làm ăn kinh tế chăm lo cho gia đình nên ít có thời gian quan tâm đến cuộc sống của bà và các con. Cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng cũng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng sau đó lại bình thường. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông không nhất trí. Lý do ông không nhất trí ly hôn vì: Hiện nay cả ông và bà đều đã lớn tuổi, việc ly hôn là không cần thiết, cho dù cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thì cũng phải chịu đựng vì con vì cháu. Tầm tuổi như ông bà mà ly hôn thì mọi người sẽ cười chê, ông là người trọng lễ nghĩa nên ông không muốn như vậy. Bà T mà kiên quyết xin ly hôn, bản thân ông cũng không còn cách nào khác, đành phải chấp nhận. Tuy nhiên ông vẫn mong muốn Tòa án khuyên giải bà để bà rút đơn về đoàn tụ cùng ông. Tại thời điểm này, ông đang đi làm ăn tại Sài Gòn, thỉnh thoảng ông mới về Cẩm Giàng. Ông nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết vụ án và ông không về Tòa án làm việc, không ký bất kỳ giấy tờ nào của Tòa nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà đều xác định: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Văn A , sinh năm 1983; Phạm Văn T3 , sinh năm 1985 và Phạm Thị C1

, sinh năm 1987. Hiện nay các con ông bà đã đến tuổi trưởng thành, có công việc và gia đình riêng ổn định nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình ông T2, gia đình Bà T cùng chính quyền địa phương trình bày: Ông T2, tại thời điểm này vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông T2 đang đi làm xa, công việc của ông là lao động tự do nay đây mai đó, không cố định một địa chỉ. Tuy nhiên ông thường xuyên về nhà và liên lạc điện thoại cho cụ Nhắc (là mẹ đẻ ông T2). Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập ông T2 tham gia tố tụng tại Tòa, cụ Nhắc đã thông báo cho ông. Ông đã biết sự việc Bà T làm đơn xin ly hôn ông, quan điểm của ông là không nhất trí ly hôn. Đại diện hai bên gia đình đều khẳng định ông Bà T T2 đã không chung sống với nhau nhiều năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Những ngày giỗ tết ông bà đều không qua lại nhà nhau nên vợ chồng khó có khả năng về chung sống hạnh phúc. Nay bà T làm đơn xin ly hôn ông T2, gia đình hai bên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: *1. Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho bà Hoàng Thị T (Chanh) được ly hôn với ông Phạm Xuân T2 (Phạm Văn T2). *2. Về con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Xuân T2 có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Bà T có đơn khởi kiện ông T2, ông T2 nhất trí việc giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ông T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Xuân T2 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An vào năm 1980. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Phần trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của ông bà tương đối phù hợp với nhau, phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình hai bên và chính quyền địa phương. Cụ thể: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân được 10 năm. Tại thời điểm này mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Bà T xin ly hôn nhưng ông T2 không nhất trí bởi ông xác định ông bà đã lớn tuổi, vợ chồng có mâu thuẫn cũng cố gắng chịu đựng vì các con và các cháu. Ông mong muốn Tòa án hòa giải để bà rút đơn về đoàn tụ cùng ông nhưng khi Tòa án triệu tập ông về tham gia hòa giải ông đều từ chối không về. Bản thân ông cũng không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn. Điều đó khẳng định ông cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lý do ông đưa ra để không đồng ý ly hôn là vì con nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, ông bà không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn ông Phạm Xuân T2 là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Quan hệ con chung: Ông bà đều khẳng định các con đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Hoàng Thị T (tên gọi khác Hoàng Thị C) được ly hôn với ông Phạm Xuân T2 (tên gọi khác Phạm Văn T2).

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002207 ngày 01/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho bà Hoàng Thị T (C) biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Xuân T2 (Phạm Văn T2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cao An, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cao An, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

